

Bản án số: 246/2022/DS-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
điện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Nguyệt Mai

2. Ông Lâm Văn Vô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố H tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số 35 đường T, phường B, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1971, chức vụ: Đội phó Đội quản lý thu ghi - Công ty L; địa chỉ: Số 1A đường K, Phường H, Quận Y, Thành phố H

(Theo Giấy ủy quyền số 3979/UQ-EVNHCMC ngày 12/10/2021, Giấy ủy quyền số 2565/UQ-PCCL ngày 21 tháng 10 năm 2021, Giấy ủy quyền số 2862/UQ-PCCL ngày 18 tháng 11 năm 2021).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Hương X, sinh năm 1968

Địa chỉ: 930/48 đường Đ Phường X, Quận Y, Thành phố H.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/03/2022, Đơn sửa chữa đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Hương X là bên mua điện ký kết Hợp đồng mua bán điện số 79776112001518, ngày 07/7/2012 với bên bán điện là Tổng Công ty Đ tại địa chỉ sử dụng điện là 787 đường I, Phường D, Quận E, Thành phố H.

Trong quá trình sử dụng điện, bà Phạm Thị Hương X chưa thanh toán cho Tổng Công ty Đ các hóa đơn tiền điện sử dụng: từ ngày 16/3/2021 đến ngày 15/8/2021 với các kỳ:

+ Tháng 4/2021: Từ ngày 16/03/2021 đến ngày 15/04/2021 với số tiền: 1.952.931 đồng;

+ Tháng 5/2021: Từ ngày 16/04/2021 đến ngày 15/05/2021 với số tiền: 1.952.931 đồng;

+ Tháng 6/2021: Từ ngày 16/05/2021 đến ngày 15/06/2021 với số tiền: 302.861 đồng;

+ Tháng 7/2021: Từ ngày 16/06/2021 đến ngày 15/07/2021 với số tiền: 1.846 đồng;

+ Tháng 8/2021: Từ ngày 16/07/2021 đến ngày 15/08/2021 với số tiền: 1.569 đồng.

Và phí đóng cắt điện 107.800 đồng, tổng số tiền là: 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Tổng Công ty Đ – Công ty L chưa thu hồi điện kế và cam kết điện kế đo đếm chính xác do là điện kế điện tử thu thập dữ liệu từ xa. Do đó, người thực tế sử dụng điện tại địa chỉ sử dụng là 787 đường I, Phường D, Quận E, Thành phố H nguyên đơn không biết thực tế là ai sử dụng nhưng bà Phạm Thị Hương X là khách hàng mua điện của Tổng Công ty Đ bằng hợp đồng mua bán điện, hiện tại hợp đồng cung cấp điện tại địa chỉ 787 đường I, Phường D, Quận E, Thành phố H vẫn do bà Phạm Thị Hương X đứng tên, do đó bà Xuân phải có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng điện theo hợp đồng.

Trong quá trình sử dụng điện trước thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khách hàng đã thanh toán tiền điện 6 kỳ trước liền kề bằng hình thức thu hộ qua Ngân hàng S (các tháng 12/2020; tháng 01, 02, 03/2021), thanh toán qua hình thức ví điện tử Airpay (tháng 10, 11/2020).

Căn cứ theo Điều 4 khoản 1 Hợp đồng mua bán điện đã ký kết thì bà Phạm Thị Hương X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền điện hằng tháng đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định. Công ty L đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ tiền điện và thực hiện tạm ngưng cung cấp điện tại địa chỉ sử dụng điện nhưng bà Phạm Thị Hương X không thanh toán với số tiền 4.319.938 đồng.

Với những nội dung nêu trên, Công ty L nhận thấy bà Phạm Thị Hương X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền điện được quy định trong hợp đồng mua bán điện. Đề nghị bà Phạm Thị Hương X thanh toán cho Tổng Công ty Đ các hóa đơn tiền điện sử dụng: Từ ngày 16/3/2021 đến ngày 15/8/2021 và phí đóng cắt điện 107.800 đồng với tổng số tiền là: 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Việc bà Phạm Thị Hương X có ý kiến chỉ đóng 200.000 đồng một tháng cho đến khi hết nợ, đại diện nguyên đơn không đồng ý vì không phù hợp với quy định của ngành điện.

Do bận lịch công tác nên ông Phạm Anh T đề nghị được vắng mặt tại các buổi xét xử của Tòa án.

2. Bị đơn là bà Phạm Thị Hương X trình bày tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Căn nhà 787 đường I, Phường D, Quận E bà đã bán từ năm 2014 và từ trước giờ bà không ở căn nhà đó. Căn nhà này bà chỉ đứng tên, trên thực tế thì bà không có ở đó.

Về việc ký hợp đồng cung cấp điện cho địa chỉ nhà 787 đường I, Phường D, Quận E, Thành phố H: Bà thừa nhận ngày 07/07/2012, bà có ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với Tổng Công ty Đ về việc mua điện sinh hoạt, số Hợp đồng 1200XXXX và được cấp mã khách hàng số: PE030000YYYYY. Căn nhà này đã có đồng hồ điện sẵn, bà chỉ ký hợp đồng mua bán điện cho bà thành người mua điện chứ không có gắn đồng hồ điện mới. Sau khi đăng ký điện, bà bán nhà chứ không hề sử dụng điện ở đó từ năm 2014 tới nay. Thực tế ai là người sử dụng điện và thanh toán tiền điện như thế nào bà không biết, bà cũng không cung cấp được thông tin ai thực tế sử dụng điện.

Về việc thanh toán tiền điện: Tổng Công ty Đ yêu cầu bà đóng các hóa đơn tiền điện sử dụng chưa thanh toán từ ngày 16/3/2021 đến ngày 15/8/2021 gồm các kỳ:

+ Tháng 4/2021: Từ ngày 16/03/2021 đến ngày 15/04/2021 với số tiền: 1.952.931 đồng;

+ Tháng 5/2021: Từ ngày 16/04/2021 đến ngày 15/05/2021 với số tiền: 1.952.931 đồng;

+ Tháng 6/2021: Từ ngày 16/05/2021 đến ngày 15/06/2021 với số tiền: 302.861 đồng;

+ Tháng 7/2021: Từ ngày 16/06/2021 đến ngày 15/07/2021 với số tiền: 1.846 đồng;

+ Tháng 8/2021: Từ ngày 16/07/2021 đến ngày 15/08/2021 với số tiền: 1.569 đồng.

Và phí đóng cắt điện 107.800 đồng, tổng số tiền là: 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng), bà đồng ý. Việc bà không thực hiện nghĩa vụ thanh lý hợp đồng với bên Công ty điện lực khi bán nhà là lỗi của bà. Do đó, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ yêu cầu bà đóng các hóa đơn tiền điện sử dụng từ ngày 16/3/2021 đến ngày 15/8/2021 chưa thanh toán và phí đóng cắt điện 107.800 đồng với tổng số tiền là: 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng).

Tuy nhiên, hiện nay tình hình kinh tế của bà khó khăn, bà đang chữa bệnh ung thư nên không có khả năng chi trả một lần. Bà đề nghị bên điện lực xem xét lại cho bà về việc chia các kỳ thanh toán, hiện tại hoàn cảnh của bà mỗi tháng chỉ trả được 200.000đồng, nên bà đề nghị được trả tiền điện còn nợ mỗi tháng 200.000đồng đến hết khi hết nợ.

Do bà bị bệnh và đã cung cấp đủ lời khai vụ án cho Tòa án, do đó bà Xuân đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử công bố lại lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tổng Công ty Đ khởi kiện tranh chấp về hợp đồng mua bán điện đối với bà Phạm Thị Hương X tại Tòa án nhân dân Quận E, Thành phố H; tuy nhiên theo kết quả xác minh của Công an Phường X, Quận Y thì bà Xuân có hộ khẩu thường trú và thực tế cư ngụ tại Quận Y, Thành phố H; quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Tổng Công ty Đ yêu cầu bà Phạm Thị Hương X trả số tiền điện còn nợ là 4.319.938 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về việc ký kết hợp đồng mua bán điện:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Chi nhánh Tổng Công ty Đ - Công ty L và bà Phạm Thị Hương X đã ký Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 12001518 ngày 07/7/2012. Việc ký kết hợp đồng mua bán điện đảm bảo các điều kiện ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt theo quy định của pháp luật tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 20 của Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012; Điều 11 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và Thông tư số 19/2014/TTBCT ngày 18/6/2014 của Bộ Công thương về việc ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt. Do đó, hợp đồng mua bán điện nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Theo nội dung hợp đồng mua bán điện, bà Xuân được cấp mã khách hàng là PE030000YYYYY, địa chỉ sử dụng điện là 787 đường I, Phường D, Quận E, Thành phố H, ngoài ra hợp đồng còn quy định về thiết bị đo đếm điện, giá điện, việc thanh toán tiền điện và các điều khoản khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị Hương X cũng xác nhận có ký hợp đồng mua bán điện theo đúng các nội dung nêu trên với Tổng Công ty Đ.

[2.2] Về quá trình sử dụng điện tại địa chỉ sử dụng điện 787 đường I, Phường D, Quận E, Thành phố H: Theo Thông báo tiền điện của các kỳ hóa đơn:

+ Tháng 4/2021: Từ ngày 16/03/2021 đến ngày 15/04/2021 với số tiền: 1.952.931 đồng;

+ Tháng 5/2021: Từ ngày 16/04/2021 đến ngày 15/05/2021 với số tiền: 1.952.931 đồng;

+ Tháng 6/2021: Từ ngày 16/05/2021 đến ngày 15/06/2021 với số tiền: 302.861 đồng;

+ Tháng 7/2021: Từ ngày 16/06/2021 đến ngày 15/07/2021 với số tiền: 1.846 đồng;

+ Tháng 8/2021: Từ ngày 16/07/2021 đến ngày 15/08/2021 với số tiền: 1.569 đồng.

Tổng số tiền điện tại địa chỉ sử dụng điện 787 đường I, Phường D, Quận E đã sử dụng từ ngày 16/03/2021 đến ngày 15/08/2021 với 05 kỳ hóa đơn là 4.212.138đồng (Bốn triệu hai trăm mười hai nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

[2.3] Về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào Thông báo ngừng cung cấp điện ngày 04/10/2021 của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định bị đơn chưa thanh toán 5 kỳ tiền điện từ kỳ tháng 4/2021 đến kỳ tháng 8/2021 cho nguyên đơn với tổng số tiền là 4.212.138đồng và phí đóng cắt điện là 107.800đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã ngừng cung cấp điện đối với bị đơn là đúng với quy định tại khoản 6 Điều 23 của Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012 và Thông tư số 30/2013/TT-BCT ngày 14/11/2013 của Bộ Công thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện.

[2.4] Về trách nhiệm thanh toán tiền điện: Bị đơn bà Phạm Thị Hương X trình bày bà đã bán nhà 787 đường I, Phường D, Quận E từ năm 2014 và trước giờ không ở căn nhà này, bà cũng không biết ai là người thực tế sử dụng điện. Tuy nhiên, bà Xuân là cá nhân mua điện của Tổng Công ty Đ thông qua Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, theo Khoản 4 Điều 7 của Hợp đồng đã nêu bên mua điện có nghĩa vụ thông báo cho bên bán điện biết trước khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện hay chấm dứt hợp đồng mua bán điện. Việc quy định về trách nhiệm của bên mua điện khi có nhu cầu ngừng, chấm dứt hợp đồng mua bán điện trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 30/2013/TT-BCT.

Bà Xuân không thực hiện các thủ tục để bên cung cấp điện là Tổng Công ty Đ ngừng cung cấp điện hoặc chấm dứt hợp đồng mua bán điện nên hợp đồng mua bán điện giữa bà Xuân và Tổng Công ty Đ vẫn còn hiệu lực. Do đó, bà Xuân là cá nhân mua điện và phải có nghĩa vụ thanh toán tiền điện còn nợ cho địa điểm sử dụng điện 787 đường I. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Xuân cũng xác nhận việc phải thanh toán tiền điện còn thiếu cho Tổng Công ty Đ là trách nhiệm của bà Xuân. Việc Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị Hương X thanh toán tiền điện còn nợ là 4.212.138đồng và phí đóng cắt điện là 107.800đồng, tổng cộng là 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) cho Tổng Công ty Đ là có cơ sở.

Ý kiến của bà Xuân đề nghị được trả tiền điện còn nợ thành nhiều kỳ thanh toán, mỗi kỳ thanh toán 200.000đồng không được phía bị đơn chấp nhận vì không phù hợp quy trình thanh toán của điện lực nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở xem xét.

[3] Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền điện và phí đóng cắt điện còn nợ là 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; phù hợp với Điều 23 và khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền điện và phí đóng cắt điện chưa thanh toán là 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng), thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4.2] Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 20, Điều 23 và khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm b Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Tổng Công ty Đ:

Buộc bà Phạm Thị Hương X phải có trách nhiệm trả cho Tổng Công ty Đ số tiền điện chưa thanh toán của 05 (năm) kỳ hóa đơn Tháng 4/2021, Tháng 5/2021, Tháng 6/2021, Tháng 7/2021, Tháng 8/2021 và phí đóng cắt điện với tổng số tiền là: 4.319.938 đồng (bốn triệu ba trăm mười chín nghìn chín trăm ba mươi tám đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Hương X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 215.997 đồng (Hai trăm mười lăm nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Hoàn lại cho Tổng Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0016588 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Tổng Công ty Đ, bà Phạm Thị Hương X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Chi cục Thi hành án dân sự Quận E;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Linh Sương